

## TƯ TƯỞNG CANH TÂN VỚI ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

ĐỖ VĂN THẮNG<sup>(\*)</sup>

**TÓM TẮT:** *Nguồn lực con người là vốn quý nhất để xây dựng, phát triển xã hội. Để có nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, thì cần có một nền giáo dục hiện đại, tiên tiến, giáo dục đào tạo phải đi trước một bước. Việc đổi mới giáo dục luôn chịu ảnh hưởng của những tư tưởng tiên tiến của thời đại. Bài viết sẽ trình bày về những tư tưởng canh tân với đổi mới giáo dục Việt Nam ở thời kỳ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.*

**Từ khóa:** *Canh tân giáo dục.*

**ABSTRACT:** *Human capital is the most precious asset for the building and the development of the society. To have rich human resources, especially highly-qualified forces requires a modern and advanced education; i.e. education and training must go ahead of time. Educational innovation is always influenced by forward-looking ideas of the time. This paper tries to present innovative ideas for the reform of Vietnam education in the late nineteen and early twentieth centuries.*

**Keywords:** *innovative ideas.*

“Vi lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vi lợi ích trăm năm thì phải trồng người”, lời Bác Hồ dạy đã nói lên vai trò lớn lao của giáo dục đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Bởi suy cho đến cùng thì nguồn lực con người là vốn quý nhất để xây dựng, phát triển xã hội. Để có nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, thì cần có một nền giáo dục hiện đại, tiên tiến. Giáo dục Việt Nam từ thế kỷ XIX về trước với những “ông đồ” và hệ thống khoa cử lỗi thời không phù hợp với trình độ tri thức của thời đại và không đáp ứng được yêu cầu phát triển cần phải được đổi mới. Việc đổi mới giáo dục Việt Nam ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX chịu sự ảnh hưởng rất lớn của các tư tưởng canh tân của Việt Nam thời đó. Để có thêm những góc nhìn đa dạng, bài viết đi vào phân tích trình bày ảnh hưởng những tư tưởng canh tân với đổi mới giáo dục Việt Nam ở thời kỳ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

### 1. VÀI NÉT VỀ TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

#### 1.1. Về tình hình thế giới

Những cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật lần thứ nhất và thứ hai liên tiếp diễn ra từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX đã đưa sức sản xuất xã hội phát triển vượt bậc. Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (giai đoạn đế quốc chủ nghĩa). Nền kinh tế hàng hóa phát triển mạnh, đặt ra yêu cầu bức thiết về thị trường; cùng với đó là sự suy tàn của chế độ phong kiến. Từ đó dẫn đến những cuộc chiến tranh xâm lược của các đế quốc tới các quốc gia phong kiến phương Đông, biến các quốc gia này thành thuộc địa; đặc biệt, là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đế quốc đã dẫn đến những cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914) và lần thứ hai (1939). Đồng thời

<sup>(\*)</sup>Tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản là sự lớn mạnh của giai cấp vô sản thế giới mà đỉnh cao là sự thành công của Cách mạng tháng Mười Nga đã tạo ra nhà nước vô sản đầu tiên trong lịch sử, cùng với đó là sự ra đời của Quốc tế Cộng sản để lãnh đạo và làm điểm tựa cho các phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản, phong trào giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa. Chính những điều đó đã làm biến đổi xã hội Việt Nam một cách sâu sắc, toàn diện vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

### **1.2. Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội Việt Nam**

Tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam thế kỷ XIX có nhiều biến đổi sâu sắc, đó là sự suy tàn của triều đình phong kiến nhà Nguyễn, đất nước đứng trước nguy cơ bị xâm lược; và năm 1858 thực dân Pháp đã tiến hành xâm lược Việt Nam. Sau khi đánh chiếm được nước ta, thực dân Pháp thiết lập bộ máy thống trị thực dân biến nước ta thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến và tiến hành những cuộc khai thác nhằm cướp đoạt tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa... Tuy nhiên, chúng cũng liên tục phải đối mặt với các cuộc đấu tranh khởi nghĩa của dân tộc ta khắp các miền đất nước. Điều đó đã tạo ra những thay đổi to lớn, nhanh chóng sâu sắc và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của xã hội Việt Nam, như:

*Về chính trị*, thực dân Pháp áp đặt bộ máy cai trị chuyên chế, mọi quyền hành đều được nắm trong tay các viên quan cai trị người Pháp, từ toàn quyền Đông Dương, thống đốc Nam Kỳ, khâm sứ Trung Kỳ, thống sứ Bắc Kỳ, công sứ các tỉnh, đến các bộ máy quân đội, cảnh sát, tòa án...; biến vua quan Nam triều thành tay sai, bù nhìn. Chúng thẳng tay đàn áp, khủng bố, dìm các cuộc đấu tranh của dân ta trong biển máu; đồng thời thi hành chính sách chia để trị, nước ta được chia thành ba kỳ, mỗi kỳ đặt một chế độ cai trị riêng và nhập ba kỳ đó với các nước Lào, Campuchia để lập ra liên

bang Đông Dương thuộc Pháp, xóa tên nước Việt Nam trên bản đồ thế giới. Chúng gây chia rẽ và thù hận giữa Bắc, Trung, Nam, giữa các tôn giáo, các dân tộc, các địa phương, thậm chí là giữa các dòng họ, giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương. Việc khai thác thuộc địa của Pháp đã hình thành nên *giai cấp tư sản Việt Nam*, tuy chỉ là một tầng lớp nhỏ bé lại ra đời trong điều kiện bị tư sản Pháp chèn ép, cạnh tranh rất gay gắt, nên số lượng tư sản Việt Nam không nhiều, thế lực kinh tế nhỏ bé, thế lực chính trị yếu đuối, nhưng nó vẫn là một trong những bộ phận tiên bộ của xã hội Việt Nam thời kỳ đó. Cùng với sự ra đời của giai cấp tư sản, là sự hình thành *giai cấp vô sản Việt Nam*, tuy còn non trẻ, số lượng chỉ chiếm khoảng 1% số dân, trình độ học vấn, kỹ thuật thấp, nhưng sống khá tập trung tại các thành phố, các trung tâm công nghiệp và các đồn điền. Đặc điểm của giai cấp vô sản Việt Nam là ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc và phải chịu ba tầng lớp áp bức bóc lột (đế quốc, phong kiến và tư sản bản xứ). Ngoài ra còn có *giai cấp tiểu tư sản Việt Nam* bao gồm các tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, viên chức, trí thức, học sinh, sinh viên... Họ cũng là những lao động bị đế quốc và phong kiến áp bức, bóc lột và khinh rẻ; đặc biệt tầng lớp trí thức là tầng lớp rất nhạy cảm với thời cuộc, dễ tiếp xúc với những tư tưởng tiên bộ và canh tân đất nước, tha thiết bảo vệ những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc. Cùng với đó là *giai cấp địa chủ phong kiến* đã tồn tại hàng ngàn năm. Mặc dù, chủ nghĩa tư bản thực dân được đưa vào Việt Nam và trở thành yếu tố bao trùm, song chúng vẫn không xóa bỏ mà còn bảo tồn và duy trì giai cấp địa chủ phong kiến để làm cơ sở cho việc khai thác thuộc địa. Cuối cùng là *giai cấp nông dân* chiếm khoảng 90% dân số, họ bị chịu nhiều tầng áp bức của đế quốc, phong kiến, địa chủ và tư sản áp bức, bóc lột rất nặng nề, ruộng đất bị tư sản thực dân chiếm đoạt, lại chịu tô cao, thuế nặng, chế độ

cho vay nặng lãi... đã đẩy nông dân vào con đường bần cùng hóa không lối thoát và chịu nhiều nỗi thống khổ khác như mọi giai cấp, tầng lớp xã hội người dân Việt thời đó.

*Về kinh tế*, trước khi thực dân Pháp xâm chiếm, nước ta vốn là một nền kinh tế phong kiến nghèo nàn, lạc hậu, lại phải chịu sự ảnh hưởng, tàn phá do những cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp. Từ năm 1897 sau khi đã ổn định tình hình chính trị tại Đông dương, thực dân Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất và sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) là chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương với số vốn đầu tư trên quy mô lớn, tốc độ nhanh. Với sự du nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phá vỡ kết cấu kinh tế thuần nông, độc canh, hình thành nên những khu công nghiệp, đồn điền... nhằm khai thác tài nguyên, nguồn nhân công rẻ mạt và hình thành những đô thị, những trung tâm kinh tế và tụ điểm cư dân mới; nhưng vẫn duy trì phương thức sản xuất phong kiến và kết hợp phương thức quản lý thực dân đối với thuộc địa để bóc lột tư bản và thu lợi nhuận siêu ngạch. Biến nước ta thành thuộc địa với nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu và phụ thuộc thực dân Pháp.

*Về văn hóa - giáo dục*, để phục vụ mục đích cai trị, thực dân Pháp chủ trương thi hành triệt để chính sách văn hóa nô dịch, gây tâm lý tự ti, vong bản, khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, đồi phong bại tục, chúng tìm mọi cách bưng bít, ngăn cản những ảnh hưởng của nền văn hóa, giáo dục tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam và thi hành chính sách ngu dân để dễ bề cai trị; mặt khác chúng cũng quảng bá những những ánh hòa quang văn minh Pháp để mị dân, để dân Việt coi thực dân Pháp là những nhà khai hóa. Chính vì vậy mặc dù có những thay đổi, cải cách trong lĩnh vực giáo dục, nhưng mục đích của thực dân Pháp là để phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa,

phục vụ bộ máy cai trị, chứ không nhằm chấn hưng nước Việt.

## **2. NHỮNG TƯ TƯỞNG CANH TÂN CỦA VIỆT NAM Ở CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX**

Mặc dù thực dân Pháp luôn tìm mọi cách ngăn cản những ảnh hưởng của nền văn minh, tiến bộ thời đại vào xã hội Việt Nam; nhưng với sức mạnh phát triển của thời đại, những tiến bộ xã hội trên các lĩnh vực vẫn từng bước được lan tỏa vào Việt Nam cùng với sự phát triển của nội tại xã hội Việt Nam đã tạo nên những tư tưởng canh tân ở Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, như:

*Thứ nhất, tư tưởng canh tân của các nhà Nho tiến bộ Việt Nam:* Từ thế kỷ XIX về trước tư tưởng Nho giáo luôn giữ vai trò thống trị và chi phối đời sống văn hóa tinh thần của Việt Nam. Tuy nhiên, trước thực trạng đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, nền kinh tế suy tàn, tài nguyên bị khai thác cạn kiệt, người dân sống lầm than trong kiếp “trâu, ngựa”; những nhà Nho tiến bộ của Việt Nam vì lòng yêu nước, thương dân họ đã không ngần ngại lột xác, tự phê phán, sẵn sàng tiếp nhận cái văn minh của thời đại và thực hiện tư tưởng canh tân; nhiều nhà tư tưởng tiến bộ như: Phạm Phú Thứ, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh. Nhận thấy Nho giáo đã đi vào con đường suy tàn, bất lực trước yêu cầu của lịch sử. Các nhà tư tưởng canh tân đã chỉ ra rằng cái văn hóa, tư tưởng Nho giáo luôn bắt con người sống theo bốn phận, “đạo lý” trở nên hèn yếu không thể dẫn đường giải phóng dân tộc, giáo dục theo kiểu tầm chương trích cú của Nho học cũng không nâng cao được trình độ khoa học - kỹ thuật không thể “Làm cho dân giàu nước mạnh” (Nhóm Trà Lĩnh, 1990) và không thể chấn hưng đất nước. Từ sự phê phán hệ tư tưởng phong kiến – Nho giáo, các ông đã đề xuất tư tưởng canh tân đổi mới đất nước vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX tạo thành

phong trào “Duy tân”, những tư tưởng canh tân đó đã ảnh hưởng lớn đối với xã hội Việt Nam ở thời điểm đó. Đặc điểm của tư tưởng canh tân do các Nhà nho tiến bộ đề xuất là đi tìm con đường cứu nước, giành độc lập tự do, giải phóng dân tộc, thực hiện dân chủ, nâng cao trình độ, sức dân nhằm làm cho nước Việt có khả năng tự lập, tự cường. Tuy nhiên, những người hấp thụ và truyền bá tư tưởng canh tân đó chủ yếu là tầng lớp sĩ phu được tư sản hóa trong hoàn cảnh giai cấp tư sản Việt Nam ra đời muộn và rất nhỏ bé; chính vì vậy, tư tưởng canh tân, dân chủ tư sản ở nước ta vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có đặc thù không thuần thực, triệt để mà vẫn chịu ảnh hưởng của Nho giáo và vẫn mang sắc thái văn hóa phong kiến Việt Nam. Mặc dù vậy, nó vẫn có tác động sâu rộng đến sự phát triển tư tưởng, các vấn đề về giáo dục, văn hóa tinh thần của đất nước, đặc biệt là đã phác họa những nội dung cơ bản, phản ánh sự vận động và phát triển tất yếu của lịch sử tư tưởng Việt Nam ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

*Thứ hai, tư tưởng canh tân của giai cấp tư sản:* Phong trào dân chủ tư sản ở thế kỷ XIX không chỉ phát triển mạnh ở châu Âu mà còn lan rộng sang châu Á, như cuộc cách mạng Minh Trị (còn gọi là Minh Trị Duy tân) diễn ra từ năm 1866 đến năm 1869, đó là một chuỗi các sự kiện cải cách dẫn đến các thay đổi to lớn và thúc đẩy Nhật Bản phát triển; hay Bách nhật Duy tân còn gọi là Chính biến Mậu Tuất (1898) của Trung Quốc... đã ảnh hưởng đến phong trào Duy tân của các nhà Nho trẻ Việt Nam. Mặt khác, trong quá trình khai thác thuộc địa của Việt Nam số tư sản, công chức Pháp sinh sống ở Việt Nam ngày càng đông, kéo theo đó là giai cấp tư sản, tiểu tư sản, những người làm việc trong bộ máy cai trị của Pháp ở Việt Nam ngày càng nhiều đã đòi hỏi chính quyền thực dân Pháp phải có đổi mới trên các lĩnh vực văn hóa xã hội Việt Nam; đặc biệt là đối với lĩnh vực giáo dục để tiếp cận với khoa học – kỹ

thuật, ánh sáng văn minh thế giới nhằm phục vụ nhu cầu khai thác thuộc địa và những vấn đề an sinh của các bộ phận liên quan. Đồng thời nhằm tách dân Việt ra khỏi những ảnh hưởng của Nho giáo và tránh bị ảnh hưởng, lôi kéo bởi các phong trào canh tân của châu Á, đặc biệt là phong trào “Đông du” với mục đích hướng tinh thần người Việt về với Pháp, phục vụ cho công cuộc thuộc địa hóa Việt Nam và Đông Dương; chính những điều đó đã dẫn đến việc lan truyền những tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam; đặc biệt là những cải cách giáo dục và các lĩnh vực văn hóa xã hội của Việt Nam ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX do Pháp tiến hành. Tuy nhiên, những tư tưởng dân chủ tư sản do Pháp thực hiện ở Việt Nam chỉ nhằm phục vụ cho việc thuộc địa hóa và khai thác thuộc địa, chứ không nhằm chấn hưng nước Việt, vì vậy chúng vẫn chủ trương duy trì chế độ và tưởng phong kiến ở Việt Nam với phương châm “ngu dân dễ bề cai trị”.

*Thứ ba, tư tưởng canh tân của giai cấp vô sản:* Cùng với sự phát triển của giai cấp tư sản là sự lớn mạnh không ngừng của giai cấp vô sản dẫn tới việc thành lập các Đảng, tổ chức Cộng sản ở các nước Tư bản, với sự ra đời của “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản” do C.Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo vào năm 1848. Đây là bản tuyên ngôn đầu tiên của giai cấp vô sản nhằm tập hợp giai cấp vô sản trên toàn giới để đấu tranh lật đổ giai cấp tư sản, mang lại quyền tự do, dân chủ, bình đẳng, bác ái không chỉ cho giai cấp vô sản mà cho nhân dân lao động toàn thế giới mà đỉnh cao là cách mạng Tháng Mười (1917) do Đảng Cộng sản Nga (Bolshevik) lãnh đạo và giành thắng lợi tạo nên nhà nước Nga Xô Viết, nhà nước của giai cấp vô sản đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Tuy phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản ở Việt Nam chỉ được phát triển mạnh vào khoảng những năm đầu thế kỷ XX; đặc biệt là Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập vào ngày 03/02/1930 đã đánh dấu một mốc son chói lọi trong sự nghiệp cách

mạng dân tộc, từ đó đã chính thức hòa nhập sự đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản Việt Nam vào công cuộc cách mạng vô sản toàn thế giới. Những tư tưởng cách mạng vô sản cũng đã ảnh hưởng đến việc cải cách giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX thông qua sự đấu tranh của giai cấp vô sản tại châu Âu và chính nước Pháp, cũng như của những nhà cách mạng có tư tưởng, chỉ hướng Cộng sản Việt Nam thời đó.

Mặc dù, những tư tưởng canh tân Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có mục đích, góc tiếp cận và phương pháp tiến hành khác nhau, nhưng những tư tưởng canh tân đó đều có ảnh hưởng lớn đến việc cải cách, đổi mới giáo dục Việt Nam ở thời kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

### 3. ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC TƯ TƯỞNG CANH TÂN VỚI ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

Trước khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858), Nho giáo giữ vai trò thống trị trong giáo dục Việt Nam. Sau khi hoàn thành việc xâm lược Việt Nam, nhằm mục đích cai trị và khai thác thuộc địa, thực dân Pháp đã cải cách giáo dục Việt Nam để thay thế nền giáo dục phụ thuộc tư tưởng Nho giáo với ba mục đích: *Một là*, nhằm đào tạo lớp người thừa hành chính sách cai trị, khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam và cả Đông Dương, đây cũng là mục đích quan trọng nhất; tầng lớp này bao gồm các viên chức trong các ngành hành chính, giáo dục, y tế, xây dựng... *Hai là*, truyền bá tư tưởng, lòng biết ơn về sự khai hóa của Pháp và sự trung thành với Pháp. *Ba là*, để mị dân, làm người Việt tin rằng hệ thống giáo dục của Pháp ở Việt Nam là văn minh và tiến bộ. Hai mục đích đầu là căn bản, mục đích thứ ba chỉ dùng để đối phó với sự đòi hỏi một nền giáo dục tiến bộ của người Việt trong tương lai mà thôi. Mặc dù việc cải cách giáo dục do Pháp thực hiện ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX

đầu thế kỷ XX có mục đích phục vụ việc cai trị và khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam, nhưng nó vẫn chịu ảnh hưởng lớn bởi những tư tưởng canh tân của Việt Nam thời đó, thể hiện qua các lĩnh vực như:

*Thứ nhất, về chữ viết:* Chữ viết là một bộ phận quan trọng của ngôn ngữ, là phương tiện để lưu trữ, truyền bá thông tin, không có chữ viết thì không thể có sách và giáo dục không thể phát triển. Vì vậy, chữ viết luôn đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong việc phát triển giáo dục và đào tạo. Đối với xã hội Việt Nam “Đến thế kỷ XVIII - XIX chữ Nôm đã phát triển tới mức cao, át cả địa vị chữ Hán” (<http://vietsciences.free.fr/>); đây là chữ viết đầu tiên của người Việt. Chữ Nôm là một loại văn tự xây dựng trên cơ sở đường nét, thành tố và phương thức cấu tạo của chữ Hán để ghi chép từ Việt và tiếng Việt. Đặc điểm của chữ Nôm là không thống nhất, không chuẩn hóa nên gây nhiều khó khăn trong việc lưu trữ và truyền bá thông tin, nhất là đối với việc giao lưu, hội nhập. Nhằm mục đích du nhập Công giáo vào Việt Nam, khoảng năm 1533 các giáo sĩ người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha được sự giúp đỡ của các giáo sĩ người Việt đã tiến hành La tinh hóa chữ viết để tạo ra chữ Quốc ngữ. Nhưng phải đến khi thực dân Pháp đặt ách cai trị tại Việt Nam; đặc biệt là từ năm 1890 trở đi với mục đích phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa; đồng thời để tách người Việt ra khỏi ảnh hưởng “*khuôn viên của chữ vương và văn hóa Khổng giáo*” chính quyền thực dân Pháp đã tiến hành cải cách giáo dục, đưa chữ Quốc ngữ thành chữ viết chính thống dạy trong các trường học, sử dụng trong các cơ quan hành chính, công sở, theo Nghị định 82 ngày 6/4/1878 do Thống đốc Nam Kỳ (Lafont) ký, thì “Kể từ mùng một Tháng Giêng năm 1882 tất cả văn kiện chánh thức, nghị định, quyết định, lệnh, án tòa, chỉ thị... sẽ viết, ký tên và công bố bằng chữ Quốc ngữ; nhân viên nào không thể viết thơ từ bằng chữ Quốc ngữ sẽ

không được bỏ nhậm và thăng thưởng trong ngạch phủ, huyện và tổng” (Lê Ngọc Trụ, 1993); để khuyến khích việc truyền bá chữ Quốc ngữ, nhà chức trách thuộc địa Nam Kỳ còn ra nghị định ngày 14/6/1880 giảm hoặc miễn thuế thân và miễn sưu dịch cho thân hào hương lý nếu họ biết viết chữ Quốc ngữ; chữ Quốc ngữ cũng được đưa thành chữ viết chính thống dạy trong các trường học bản xứ của Việt Nam và đến năm 1898 Pháp đã ra quyết định đưa chữ Quốc ngữ, chữ Pháp vào kỳ thi Hương... Mặc dù ban đầu các nhà Nho đã phản đối cho rằng chữ Quốc ngữ như “giun dế”, hay là thứ chữ của giặc; nhưng sau đó do những ưu việt trong việc dạy, học và tuyên tải thông tin nên họ không những đã chấp nhận mà còn cổ súy việc phổ biến chữ Quốc ngữ, vì thế chữ Quốc ngữ phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

*Thứ hai, về chương trình, giáo trình:* Giáo dục Việt Nam thế kỷ XIX trở về trước là nền giáo dục phụ thuộc Nho giáo. Các sách được dùng trong nhà trường là kinh sách Nho giáo, được chia làm hai phần: các sách nhập môn là Tam tự kinh, Số học vấn tâm, Ấu học ngũ ngôn thi, Minh Đạo gia huấn; các sách cơ bản là Tứ thư và Ngũ kinh. Các sách khoa học, kỹ thuật hầu như không được sử dụng, sách chuyện được coi là nhảm nhí không nên đọc. Đồng thời phương pháp dạy và học chỉ là tâm chương, trích cú không khơi dậy tính chủ động, sáng tạo của người học, không đặt người dạy phải không ngừng nghiên cứu, cập nhập tri thức khoa học và công nghệ của thời đại. Bởi vì phương châm giáo dục bấy giờ là người dạy thì lo “*giữ đạo thánh hiền*”, còn kẻ học lo dùi mài kinh sử, lều chõng đi thi cố lấy “*bảng vàng*” để vinh danh bản thân và tổ tiên, gia tộc chứ lượng tri thức khoa học và công nghệ thì chẳng đáng là bao. Điều đó đã được Phan Bội Châu chỉ ra rằng: “Các triều đình chuyên chế đã dùng khoa cử làm cái bẫy ràng buộc hào kiệt, tai mắt xóm làng cũng chỉ chuyên chú đến trường thi, làm

cho người ta sinh ra từ tám tuổi trở lên đã vùi đầu, mờ mắt vì cái ngục tù bát cổ thi phú. Tiếng nói là văn sĩ, chữ thực ra chỉ là một vật chết không biết cái gì, cũng không làm được trò gì” (Tập thể tác giả, 1990). Với chương trình giáo dục, phương pháp dạy và học như vậy thì không thể nâng cao sức dân, không thể nâng cao trình độ, tay nghề, kỹ năng, kỹ xảo của người lao động, càng không thể nâng tầm nước Việt. Các nhà tư tưởng canh tân cũng chỉ ra rằng cần phải đổi mới, thay đổi nền giáo dục Nho giáo ấy mới làm cho dân tộc tự cường, mới phát triển đất nước và đánh đuổi được ngoại xâm, như Nguyễn Trường Tộ, Đặng Huy Trứ viết “Làm cho dân giàu nước mạnh đầu phải là một việc chẳng cần lo toan nhiều” (Nhóm Trà Lĩnh, 1990) và cần phải nâng cao năng lực, trình độ của người dân, tăng cường sức dân bởi, “Khí mạnh của nước là lấy dân làm gốc. Bồi bổ cái gốc đó mới là thầy thuốc giỏi” (Nhóm Trà Lĩnh, 1990). Mặt khác, để khai thác thuộc địa thực dân pháp cần phải đầu tư các phương tiện kỹ thuật, tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy cai trị, cũng như phục vụ nhu cầu học tập phát triển của giai cấp tư sản và tầng lớp quý tộc. Trước những yêu cầu đó, thực dân Pháp đã tiến hành cải cách nền giáo dục Việt Nam, thay đổi chương trình, giáo trình, sách và cách thức giảng dạy, thi cử... Chính phủ Pháp đã áp dụng nền giáo dục Việt Nam chia thành ba bậc học: Ấu học, Tiểu học và Trung học (gồm hai cấp/ban Cao đẳng Tiểu học và Tú tài), trong đó chương trình, sách được dùng giảng các bậc học, như: (1) Ấu học gồm: “những bài tập đọc bổ ích về kiến thức phổ thông, Địa lý, Lịch sử, Hành chính” (Trần Văn Chánh, 2014), như *Quốc văn giáo khoa thư, Luân lý giáo khoa thư...*; (2) Tiểu học, gồm bộ “*Việt Nam Tiểu học Tùng thư*” bằng tiếng Việt, ngoài ra còn có các sách *Sử ký - Địa dư giáo khoa thư, Toán pháp, Cách trí...*; (3) Trung học có các sách: *Sử, Địa, Ngoại ngữ, có những môn học theo phân ban như, ban Triết có Tâm Lý học, Siêu*

*hình học, ban Toán có Hình học, Cơ học, Số học...* Ngoài ra những môn học kỹ thuật chuyên môn sẽ được giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành.

*Thứ ba, về cơ sở trường lớp:* Cùng với việc đổi mới về chữ viết, chương trình, giáo trình, sách học, thì Pháp cũng tiến hành thay đổi hệ thống trường học trong giáo dục Việt Nam: Hệ thống trường, lớp của giáo dục Việt Nam trước khi Pháp thực hiện cải cách được tổ chức theo bốn cấp: (1) Khai tâm (vỡ lòng), kéo dài 4 năm. Nội dung của lớp Khai tâm là học thuộc liên tiếp bốn sách giáo khoa cơ bản: Tam tự kinh, các sách Sơ học vấn tâm, viết dưới dạng câu bốn chữ, Ấu học ngũ ngôn thi, viết dưới dạng câu năm chữ, Minh tâm bảo giám. (2) Tiểu tập, chia làm nhiều lớp theo các thể loại: thơ, phú, văn sách. (3) Trung tập, học sinh phải học để nắm vững cách làm các thể loại: thơ, phú, văn sách... Học xong được gọi là khóa sinh hay thí sinh chuẩn bị đi thi. (4) Đại tập, trực tiếp đào tạo các sĩ tử dự thi Hương hoặc về kinh đô ứng thí. Học sinh có thể học ở trường công hoặc trường tư. Trường công bao gồm các trường cấp huyện (đứng đầu là huân đạo), phủ (đứng đầu là giáo thụ) và cấp tỉnh (đứng đầu là đốc học). Các trường tư do các thầy đồ đảm nhiệm, thường làng nào ở Bắc Kỳ cũng có nên thường được gọi là “trường làng”.

Từ năm 1906, người Pháp đã tiến hành xây dựng hệ thống giáo dục Việt Nam theo ba cấp học của bậc học phổ thông, học trong 13 năm, gồm:

*Bậc Tiểu Học sáu năm:* Lớp Đồng Ấu (Cours Infantin); Lớp Dự Bị (Cours Préparatoire); Lớp Sơ Đẳng (Cours Élémentaire); Lớp Nhì năm thứ nhất (Cours Moyen 1ère année); Lớp Nhì năm thứ hai (Cours Moyen 2è année); Lớp Nhất (Cours Supérieur).

Ba lớp đầu còn được gọi là bậc sơ học. Học xong lớp Sơ Đẳng học sinh thi lấy bằng Sơ Học Yếu Lược (Primaire Élémentaire) Những

học sinh được tuyển thẳng lên lớp Nhì năm thứ nhất không bắt buộc phải thi Sơ Học Yếu Lược. Học hết lớp Nhất học sinh được thi bằng Tiểu Học Yếu Lược hay Sơ Đẳng Tiểu Học (Certificat d'Études Primaire Franco-Indigène, viết tắt là CEPFI), phải có bằng này mới được dự tuyển học lên lớp trên.

*Bậc Cao Đẳng Tiểu Học (Primaire) bốn năm:* Học xong bốn năm được thi lấy bằng Cao Đẳng Tiểu Học (Diplôme d'Étude Primaire Supérieurs Franco-Indigène) còn gọi là bằng Thành Chung. Phải có bằng Thành Chung mới được dự thi lên bậc Trung Học tức bậc Tú Tài. Các trường dạy bậc Cao Đẳng Tiểu Học được gọi là (Collège).

*Bậc Trung Học (Enseignement Secondaire) ba năm:* Còn được gọi là bậc Tú Tài Pháp-Việt, bậc Trung Học gồm ba năm. Học xong hai năm đầu được thi lấy bằng Tú Tài phần thứ nhất (Baccalauréat, 1ère partie). Đậu bằng này được học tiếp năm thứ ba không phải thi tuyển. Năm thứ ba được chia làm hai ban: ban Triết và ban Toán, sau tách thành ba ban là Toán, Khoa học, Triết. Học sinh tốt nghiệp hai hoặc ba ban hoặc thêm bằng Tú Tài Pháp được ưu tiên khi thi vào các trường Đại Học có thi tuyển như trường Grandes Écoles ở Pháp hoặc các trường Cao Đẳng Chuyên Nghiệp.

Song song với hệ thống giáo dục phổ thông Pháp - Việt, Pháp còn thiết lập ba trường hoàn toàn như ở Pháp dành riêng cho con cái người Pháp ở Việt Nam và con cái những người Việt thân Pháp. Đó là các trường Chasseloup Laubat ở Sài Gòn (1874), trường Albert Sarraut ở Hà Nội (1918) và trường Yersin ở Đà Lạt (1935). Cả ba trường này lúc đầu cũng được hình thành từ bậc tiểu học trước rồi sau mới có đến bậc Tú Tài.

*Thứ tư, về đối tượng học:* Mặc dù Thực dân Pháp đã tiến hành cải cách giáo dục ở Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX một cách toàn diện, có hệ thống và được tổ chức

chặt chẽ, đưa chữ Quốc ngữ, chữ Pháp thay thế chữ Hán, chữ Nôm, chuyển từ nền giáo dục Nho giáo lỗi thời thành hệ thống giáo dục với chương trình đào tạo, hệ thống trường, lớp, mở rộng các đối tượng học... cho phù hợp với trình độ giáo dục, khoa học – kỹ thuật của thời đại và theo các tư tưởng canh tân ở Việt Nam thời đó. Tuy nhiên, với mục đích phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa, đồng thời nhằm tách nền giáo dục, văn hóa Việt Nam ra khỏi ảnh hưởng của Nho giáo, biến Việt Nam phụ thuộc hoàn toàn vào Quốc Pháp và để quảng bá mị dân về vai trò khai hóa của thực dân Pháp ở Việt Nam; thì, những cải cách đó chủ yếu chỉ phục vụ nhu cầu giáo dục cho bộ máy cai trị của thực dân Pháp và những tầng lớp tư sản, quý tộc phụ thuộc Pháp ở Việt Nam, chứ người dân Việt không được thụ hưởng. Điều đó đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tố cáo chính sách ngu dân của thực dân Pháp qua tác phẩm “*Bản án chế độ thực dân Pháp*” (1925) Người đã vạch trần bộ mặt giả dối mà thực dân Pháp thực hiện ở Việt Nam làm cho đời sống của người dân Việt ngày càng cùng cực, nạn mù chữ, thất học, dốt nát ngày càng tăng, người dân bị tha hóa bởi nghiện rượu và thuốc phiện... Chính điều đó dẫn đến việc hơn 97% người dân Việt Nam mù chữ ở những năm 1939 về trước (Tổng cục thống kê, 1985).

#### 4. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ những nghiên cứu, phân tích về ảnh hưởng của các tư tưởng canh tân đối với cải cách, đổi mới giáo dục Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, có thể rút ra một số vấn đề sau:

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Chánh (2014), *Sách giáo khoa tiểu học thời Pháp thuộc*, [Http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-hoc-ung-dung/van-hoa-giao-duc-khoa-hoc/2678-tran-van-chanh-sach-giao-khoa-tieu-hoc-thoi-phap-thuoc.html](http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-hoc-ung-dung/van-hoa-giao-duc-khoa-hoc/2678-tran-van-chanh-sach-giao-khoa-tieu-hoc-thoi-phap-thuoc.html).
2. Trịnh Doãn Chính và Phạm Đào Thịnh (2008), *Nội dung và đặc điểm tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX qua các nhà tư tưởng tiêu biểu*, Tạp chí Triết học, số 3.

*Một là*, trình độ khoa học và công nghệ của xã hội nói chung và của người lao động nói riêng luôn là một trong những tiêu chí quan trọng hàng đầu phản ánh trình độ phát triển của xã hội. Để nâng cao trình độ khoa học và công nghệ của xã hội cần phải phát triển giáo dục và đào tạo. Một khi trình độ giáo dục, trình độ khoa học và công nghệ của người dân lạc hậu, lỗi thời so với thời đại, chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực không đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, phát triển nguồn nhân lực thì cần phải có những cải cách, đổi mới giáo dục.

*Hai là*, khi tiến hành đổi mới, cải cách giáo dục cần phải xác định rõ mục tiêu cải cách, đổi mới, từ đó làm cơ sở để xác định những vấn đề về phạm vi, đối tượng, nội dung... của đổi mới, cải cách giáo dục.

*Ba là*, khi tiến hành đổi mới phải xác định rõ nội dung, phạm vi tiến hành, phải xác định rõ mối quan hệ giữa các nội dung và tiến hành một cách đồng bộ, có hệ thống; đồng thời có phương pháp phù hợp.

*Bốn là, xây dựng lộ trình đổi mới*: Đổi mới giáo dục là công việc khó khăn phức tạp, liên quan đến mọi người, mọi tầng lớp xã hội nên cần xây dựng lộ trình thực hiện theo từng giai đoạn, đối tượng phù hợp để mang lại hiệu quả cao.

*Năm là, phải có sự kế thừa*: Đổi mới, cải cách giáo dục phải trên quan điểm kế thừa và phát triển. Bởi vì cái mới luôn phát triển trên nền tảng của cái cũ, đặc biệt là đối với lĩnh vực giáo dục và nhận thức, thì việc kế thừa là vô cùng quan trọng.



3. Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
4. Nhóm Trà Lĩnh (1990): *Đặng Huy Trứ – con người và tác phẩm*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Tập thể tác giả (1990): *Phan Bội Châu, Toàn tập*, t.2, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
6. Tổng cục thống kê (1985): *Số liệu thống kê 1930 – 1984*. Nxb. Thống kê, Hà Nội.
7. Lê Ngọc Trụ (1993): *Chữ Quốc ngữ từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX. Tuyển tập Ngôn ngữ văn tự Việt Nam Số 1*. Dòng Việt.
8. <http://vietsciences.free.fr/vietnam/tiengviet/lichsucacloaichuviet.htm>.
9. [http://cothommagazine.com/Trần Bích San, Thi cử và nền giáo dục Việt Nam dưới thời Pháp thuộc.](http://cothommagazine.com/Trần+Bích+San,+Thi+cử+và+nền+giáo+dục+Việt+Nam+dưới+thời+Pháp+thuộc.)

Ngày nhận bài: 27/12/2017. Ngày biên tập xong: 15/3/2018. Duyệt đăng: 16/3/2018